

NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ - KINH NGHIỆM THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

TS. Nguyễn Hồng Chinh*

Được đánh giá là một trong những quốc gia hấp dẫn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hàng đầu thế giới, tuy nhiên việc thu hút FDI vào Việt Nam thiếu yếu tố bền vững. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là do Việt Nam chưa có ngành công nghiệp hỗ trợ (CNHT) thực sự phát triển. Bài viết này đã lựa chọn các quốc gia Hàn Quốc, Thái Lan và Malaysia, đây là những quốc gia có nhiều nét tương đồng với Việt Nam để phân tích một số kinh nghiệm về hiệu quả thu hút FDI nhằm phát triển CNHT của các quốc gia này. Qua đó, rút ra bài học kinh nghiệm về nâng cao hiệu quả thu hút FDI cho ngành CNHT Việt Nam trong bối cảnh mới.

• Từ khóa: đầu tư trực tiếp, công nghiệp hỗ trợ, hiệu quả.

Although be considered as the one of the most attractive countries for Foreign direct investment (FDI) in the world, the attraction of FDI into Vietnam is lacks a sustainable factors. One of the main reasons is that Vietnam has not had a really good supporting Industry (SI). This article has selected the countries: Korea, Thailand and Malaysia, which have some similarities with Vietnam, to analyze some experiences in attracting FDIs in order to develop SI of these countries. Thereby, the article draws some experiences on improving the efficiency of attracting FDI for the Supporting industries in Vietnam in the new context.

• Keywords: direct investment, supporting industry, efficiency.

1. Đặt vấn đề

Thu hút vốn FDI là một trong những thành tựu nổi bật của Việt Nam trong hơn 30 năm đổi mới. FDI không chỉ bổ sung vốn cho đầu tư phát triển mà còn giúp Việt Nam tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, mở rộng thị trường, tạo thêm việc làm, thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ phát triển. Tính đến hết năm 2018, cả nước có 4.840 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNHT, cung cấp nguyên vật liệu, phụ tùng, linh kiện cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cuối cùng trong các ngành ô tô, điện tử, cơ khí, dệt may, da giày...

Ngày nhận bài: 10/7/2020

Ngày chuyển phản biện: 12/7/2020

Ngày nhận phản biện: 10/8/2020

Ngày chấp nhận đăng: 15/8/2020

Bảng 1: Doanh nghiệp CNHT theo ngành và thành phần kinh tế

Loại hình doanh nghiệp	Dệt may, da giày	Nhựa, cao su, hoá chất	Cơ khí	Điện tử	Tổng
Doanh nghiệp nhà nước	9	7	14	1	31
Doanh nghiệp ngoài nhà nước	729	124	2437	101	3391
Doanh nghiệp FDI	347	91	576	404	1418
Tổng	1085	222	3027	506	4840

Nguồn: Báo cáo về khảo sát về CNHT năm 2019

Thu hút FDI vào phát triển CNHT có hiệu quả sẽ góp phần khai thác hiệu quả các nguồn lực trong nước, giảm nhập khẩu nguyên phụ liệu, hạn chế xuất khẩu tài nguyên và các sản phẩm chế biến thô. Để thực hiện được mục tiêu này thì chúng ta cần có Chiến lược và định hướng chiến lược thu hút FDI theo hướng chuyển dịch trọng tâm từ thu hút nhà đầu tư phù hợp cho “sản phẩm” của Việt Nam sang phát triển sản phẩm phù hợp cho loại hình đầu tư mà Việt Nam cần trong tương lai. Khi thu hút FDI vào CNHT cần đạt được các mục tiêu như: (i) Thu hút FDI vào

* Học viện Tài chính

các dự án CNHT công nghệ cao, có cam kết chuyển giao công nghệ thích hợp với từng ngành, bảo đảm các tiêu chuẩn môi trường; (ii) Thu hút FDI vào các dự án sản xuất CNHT phục vụ nhu cầu nội địa; (iii) Thu hút FDI vào các dự án sản xuất CNHT thuộc mạng lưới sản xuất của các tập đoàn lắp ráp hiện có ở Việt Nam; (iv) Thu hút FDI vào các dự án sản xuất vật liệu phục vụ công nghiệp chế biến, chế tạo; (v) Thu hút FDI từ các dự án giúp phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... Muốn thực hiện có hiệu quả việc thu hút FDI vào phát triển CNHT của Việt Nam thì việc học hỏi kinh nghiệm thu hút FDI ở các nước đi trước có nhiều nét tương đồng là rất cần thiết đối với Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

2. Kinh nghiệm của một số quốc gia về nâng cao hiệu quả về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào phát triển công nghiệp hỗ trợ

2.1. Kinh nghiệm của Thái Lan

Là nước đứng đầu ASEAN về phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho nhu cầu sản xuất của các doanh nghiệp FDI. Điều này đã biến Thái Lan thành cứ điểm sản xuất nhiều mặt hàng xuất khẩu như ô tô, xe máy, hàng điện tử, điện lạnh, điện gia dụng... của các công ty đa quốc gia. Thái Lan tập trung chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài đặt trọng tâm vào các công ty FDI, đặc biệt là các công ty Nhật Bản đóng vai trò quan trọng. Các công ty lắp ráp của Nhật Bản đứng ở trên cùng của tháp công nghiệp, đồng thời với việc tham gia vào xây dựng các tầng thấp bên dưới để làm nền tảng. Các doanh nghiệp này đã tạo ra những sự liên kết kỹ thuật rất tốt và nhờ đó phát triển công nghệ cho các công ty chế tạo linh kiện của Thái Lan. Bên cạnh đó định hướng mua sắm của các công ty Nhật Bản đã khuyến khích đáng kể sự phát triển của các công ty cung ứng địa phương. Các công ty Nhật Bản tạo ra thị trường đối với sản phẩm và do vậy đã tạo ra được hệ thống cung ứng từ các công ty địa phương. Bên cạnh các chính sách ưu đãi cho phát triển CNHT nói trên, Thái Lan còn thành lập các ủy ban hỗ trợ về vấn đề này và các tổ chức chuyên lo phát triển xây dựng và hình thành mối liên kết công nghiệp trong nước.

Đặc biệt Thái Lan đã xuất hiện mạng lưới cung cấp linh kiện phụ tùng cho các doanh nghiệp đầu tư FDI có tính ổn định, lâu dài và có hiệu quả cao. Đây là một trong những yếu tố thúc đẩy ngành

CNHT Thái Lan phát triển nhanh chóng và trở thành mũi đột phá chiến lược trong chính sách phát triển kinh tế của Thái Lan trong những thập niên vừa qua. Hiện nay, Thái Lan đang thực hiện 03 thay đổi trong chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, cụ thể là:

(1) Trước đây, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài được dựa trên chiến lược phát triển sản xuất thay thế nhập khẩu. Do đó, Thái Lan phải nhập khẩu nhiều máy móc, nguyên vật liệu, dẫn đến thâm hụt thương mại. Đến nay, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của Thái Lan là hướng vào phát triển sản xuất phục vụ cho xuất khẩu;

(2) Thu hẹp diện hưởng ưu đãi đầu tư từ 240 ngành, lĩnh vực như trước đây xuống còn 100 ngành, lĩnh vực. Đồng thời, ưu đãi đầu tư tập trung hơn vào 03 lĩnh vực, bao gồm: phát triển công nghệ cao; nghiên cứu và phát triển, hoạt động đào tạo công nghệ tiên tiến; phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

(3) Khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các vùng xa Băng Cốc và vùng nông thôn để thu hẹp khoảng cách phát triển. Ngoài ra, do chi phí cuộc sống tăng, thiếu nguyên liệu, Chính phủ Thái Lan cũng khuyến khích doanh nghiệp Thái Lan đầu tư ra nước ngoài, nhất là các quốc gia ASEAN.

2.2. Kinh nghiệm của Malaysia

Dù xếp sau Thái Lan trong các nước ASEAN về phát triển CNHT nhưng Malaysia cũng có định hướng phát triển CNHT từ rất sớm. Theo đó, Chính phủ Malaysia đã thực hiện nhiều chương trình, chính sách trong việc thu hút FDI nhằm phát triển ngành CNHT như: (i) Ưu đãi thu hút DN FDI vào các ngành CNHT thông qua chính sách ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp FDI đầu tư vào sản xuất máy móc và linh kiện; sản xuất các thiết bị giao thông và linh kiện phụ tùng; sản xuất các thiết bị và linh kiện điện, điện tử; sản xuất các sản phẩm nhựa; (ii) Xây dựng các chương trình phát triển các ngành công nghiệp quy mô nhỏ và vừa để phát triển các nhà cung cấp linh phụ kiện, đồng thời tạo ra sự linh hoạt để thu hút FDI vào CNHT... Cũng như Thái Lan, Malaysia cũng thành lập các cơ quan, tổ chức chuyên trách để quản lý ngành CNHT. Malaysia đã thành lập Trung tâm Phát triển kỹ năng Penang (PSDC). Trung tâm này có nhiệm vụ nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động trong các công ty và những người vừa

tốt nghiệp bậc phổ thông trung học, để vận hành những dây chuyền sản xuất hiện đại. PSDC được đánh giá là có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ngành CNHT Malaysia phát triển.

Ưu đãi thuế dành cho các nhà sản xuất chế tạo gồm giảm một phần hay toàn bộ thuế thu nhập doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, miễn thuế nhập khẩu, thuế bán hàng và thuế tiêu thụ đặc biệt. Các chương trình ưu đãi cơ bản ở Malaysia gồm có tư cách tiên phong và trợ cấp thuế được quản lý bởi Cơ quan chuyên trách về cấp giấy phép đầu tư và ưu đãi đầu tư là Cục Phát triển Công nghiệp Malaysia (MIDA). Hiện nay, các chương trình ưu đãi chính của MIDA gồm có: (i) Tư cách tiên phong (PS; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong khoảng từ 70% đến 100% thu nhập hợp pháp trong vòng từ 5 đến 10 năm); (ii) Trợ cấp thuế đầu tư (ITA; 60% đến 100% chi phí vốn hợp lệ trong vòng 5 đến 10 năm có thể được bù bằng 70% đến 100% thu nhập hợp pháp); (iii) Trợ cấp tái đầu tư (RA; 60% chi phí vốn hợp lệ có thể được bù bằng 70% đến 100% thu nhập hợp pháp). Nhà đầu tư có thể chọn hoặc PS hoặc ITA nhưng không được chọn cả hai. Bằng chính sách định hướng dòng vốn nước ngoài vào ngành CNHT, chính phủ Malaysia đã giao MIDA lập và thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế và đơn giản thủ tục hành chính nhằm thu hút FDI vào ngành CNHT. Ưu đãi thu hút DN FDI vào các ngành CNHT thông qua chính sách ưu đãi thuế cho các DN FDI đầu tư vào sản xuất máy móc và linh kiện; sản xuất các thiết bị giao thông và linh kiện phụ tùng; sản xuất các thiết bị và linh kiện điện, điện tử; sản xuất các sản phẩm nhựa...

Đặc biệt khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước tham gia vào các ngành CNHT hiện đại, cạnh tranh, năng động trong các lĩnh vực sau: ô tô, xe máy; các ngành công nghiệp cao su; điện, điện tử; nhựa; các ngành sản xuất đồ gỗ; máy móc cơ khí; dệt may.

2.3. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Hàn Quốc là một trong những quốc gia trên thế giới đã chuyển đổi thành công và nhanh chóng từ nền kinh tế nông nghiệp, phụ thuộc sang nền kinh tế công nghiệp hàng đầu, với GDP và mức tăng thu nhập bình quân đầu người tăng trưởng cao.

Để nâng cao hiệu quả thu hút FDI vào CNHT thì Hàn Quốc cũng có những chính sách khuyến

khích nghiên cứu và phát triển (R&D) của các công ty nước ngoài khi đầu tư vào các ngành CNHT được ưu tiên như: miễn thuế nhập khẩu cho những thiết bị và công nghệ hỗ trợ cho phòng thí nghiệm của các công ty FDI; miễn thuế doanh thu cho thu nhập từ việc chuyển giao công nghệ; những công ty FDI có trung tâm R&D ở Hàn Quốc được phép nhập khẩu và bán một số sản phẩm công nghệ cao để thử nghiệm trong thị trường địa phương. Ngoài ra, Hàn Quốc chú trọng xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ để nhà đầu tư yên tâm hoạt động. Bên cạnh đó một trong những chính sách đáng chú ý của Hàn Quốc trong hỗ trợ phát triển CNHT là chỉ định một số doanh nghiệp hạt nhân mua linh phụ kiện từ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV). Bên cạnh việc thu hút FDI vào phát triển CNHT thì Hàn Quốc thực hiện chuyển giao công nghệ từ các nước tiên tiến khác trong khi vẫn tự xây dựng khả năng phát triển trong nước của mình. Hàn Quốc nhận chuyển giao công nghệ chủ yếu từ Nhật Bản và Hoa Kỳ. Mục tiêu quan trọng của Hàn Quốc để duy trì sự cạnh tranh trong thị trường CNHT toàn cầu là tham gia liên doanh. Lợi ích từ hoạt động này bao gồm duy trì luồng công nghệ với các công ty nước ngoài hàng đầu, phân bổ chi phí nghiên cứu phát triển, giảm thiểu tác động của tăng chi phí lao động trong nước, bảo đảm các thỏa thuận thương mại thuận lợi hơn, và góp phần thúc đẩy cộng đồng toàn cầu để thu hút FDI vào CNHT thì Hàn Quốc rất coi trọng yếu tố con người. Con người ở đây được hiểu là gồm cả những người quản lý và đội ngũ nhân công. Chất lượng nguồn nhân lực luôn là vấn đề được các doanh nghiệp hỗ trợ Hàn Quốc đề cao vì nó là một trong các yếu tố quan trọng cấu thành nên giá trị sản phẩm và là nhân tố quan trọng quyết định tới quá trình đổi mới không ngừng các sản phẩm hỗ trợ cũng như công nghệ, dây chuyền sản xuất nên các sản phẩm này.

3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Việc nghiên cứu các kinh nghiệm của Hàn Quốc, Thái Lan và Malaysia về thu hút FDI có hiệu quả để phát triển CNHT có ý nghĩa rất lớn cho nước ta. Việt Nam là nước đi sau thì đây là những kinh nghiệm để Việt Nam nghiên cứu, lựa chọn phù hợp với điều kiện của đất nước nhằm phát triển CNHT ở Việt Nam. Có thể rút ra được những bài học kinh nghiệm cơ bản sau:

Một là, môi trường đầu tư phải được cải thiện cho hấp dẫn hơn để thu hút FDI vào CNHT. Hiện nay trong bối cảnh thương mại tự do, Việt Nam không còn có thể áp dụng những chính sách công nghiệp mà các nước đi trước đã sử dụng. Việc mở cửa thuận túy như tự do hóa thương mại và đầu tư chưa phải là đủ để thu hút lượng lớn đầu tư nước ngoài, nước ta cần phải hợp tác với các nhà đầu tư nước ngoài, lắng nghe ý kiến của họ, thỏa thuận với họ những mục tiêu về chuyển giao công nghệ và mua hàng trong nước, thiết lập các biện pháp hỗ trợ thống nhất... Việt Nam cũng cần phải sử dụng các chính sách để tạo được lợi thế so sánh cao hơn, và giảm chi phí về hoạt động kinh doanh, điều này đòi hỏi phải có sự cải thiện thích đáng về trình độ, kỹ năng quản lý, cơ sở hạ tầng, các cơ quan, tổ chức hỗ trợ, dịch vụ chính phủ, quản lý khu công nghiệp và chế xuất.

Hai là, gia tăng tính liên kết giữa các nhà cung cấp địa phương với các tập đoàn đa quốc gia, giữa các doanh nghiệp trong nước, giữa doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hỗ trợ với các doanh nghiệp lắp ráp, doanh nghiệp FDI, các tập đoàn đa quốc gia.

Ba là, ưu đãi khi thu hút đầu tư: Việt Nam có quy định rõ ràng về đối tượng ưu tiên trong dài hạn và tập trung nguồn lực phát triển lĩnh vực đó, có những ưu đãi vượt trội, cụ thể, rõ ràng so với các lĩnh vực khác để thu hút nguồn lực xây dựng CNHT. Xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư vào CNHT tập trung vào các hỗ trợ cụ thể trên các mặt: ưu đãi thuế khi đầu tư mới, hỗ trợ địa điểm sản xuất, hỗ trợ tài chính, kết nối kinh doanh. Có chính sách khuyến khích đầu tư vào các khu vực mục tiêu: các khu công nghiệp tập trung, các vùng kinh tế trọng điểm, các khu vực kinh tế khó khăn... thông qua việc tăng cường ưu đãi đối với các doanh nghiệp đầu tư vào các khu vực này.

Bốn là, cần có các cơ quan đầu mối về CNHT: Cả Thái Lan và Malaysia đều có các cơ quan chuyên trách thực hiện quản lý Nhà nước về CNHT: Thái Lan là Ủy ban đầu tư (BOI) và Malaysia là Cục Phát triển Công nghiệp Malaysia (MIDA), cả hai cơ quan này đều có thẩm quyền xây dựng và sửa đổi danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên, xét duyệt các ưu đãi cũng như thực hiện một số dịch vụ công đi kèm; các cơ quan khác thực hiện các dịch vụ có liên quan, không được đề ra các văn bản quy phạm về lĩnh vực này.

Năm là, cần có các chính sách tạo điều kiện về vốn thúc đẩy phát triển các doanh nhỏ và vừa, đào tạo nguồn nhân lực: Các DNNVV sẽ là một trong những nhân tố quan trọng trong việc đưa nền CNHT của Việt Nam đi lên, do đó cần có những chính sách và biện pháp thích hợp nhằm khuyến khích các DNNVV trong lĩnh vực này như: Tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV có thể dễ dàng tiếp cận được với nguồn vốn vay dài hạn cho đầu tư phát triển, hỗ trợ các doanh nghiệp về thiết kế mẫu và phát triển mẫu như Thái Lan đã làm, cung cấp thông tin khách hàng cho doanh nghiệp... Nguồn nhân lực của nước ta hiện nay đang mất cân đối về cơ cấu lao động khi thiếu trầm trọng đội ngũ thợ lành nghề và kỹ sư trong các ngành khoa học kỹ thuật (kỹ thuật cơ khí, kỹ thuật điện, hóa ứng dụng, chế tạo máy, luyện kim, điều khiển tự động...). Do đó, Chính phủ cần cải cách đào tạo đại học theo hướng cân đối lại số lượng tuyển sinh ở các ngành học, tạo điều kiện để sinh viên được nâng cao kỹ năng thực hành và có thái độ đúng đắn với môi trường làm việc của một doanh nghiệp sản xuất. Ngoài ra, thu hút sự hỗ trợ của các nước phát triển như Nhật Bản, Liên minh châu Âu (EU)... để đào tạo nguồn nhân lực cho ngành CNHT cũng là rất cần thiết.

Tài liệu tham khảo:

Báo cáo (2017), "Đánh giá tình hình thực thi các cơ chế chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ và các giải pháp trong thời gian tới", Bộ Công Thương.

Bộ Công Thương (2019), "Báo cáo khảo sát công nghiệp hỗ trợ Việt Nam", Cục Công nghiệp.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018): "Chiến lược và Định hướng Chiến lược thu hút FDI thế hệ mới, giai đoạn 2018-2030", Hà Nội.

Vũ Chí Hùng (2018): "Phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam", LATS - Học viện KHXH.

Hà Thị Hương Lan (2014): "Công nghiệp hỗ trợ trong một số ngành công nghiệp ở Việt Nam", LATS - Học viện Chính trị QG.HCM.

<http://tapchicongthuong.vn/cac-nuoc-phat-trien-cong-nghiep-ho-tro-nhu-the-nao--20140909112739465p12c152.htm>

<http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/kinh-nghiem-phat-trien-cong-nghiep-ho-tro-cua-mot-so-nuoc-va-ham-y-cho-viet-nam-56559.html>